| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XUÂN LỘC**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **99**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Cao Thị Mận

Ông Nguyễn Xuân Tùng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ N trình bày:* chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân 4 năm nay. Trong thời gian không sống chung, anh chị không liên lạc, không

còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 10/10/2016. Khi ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

*- Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.*

*- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131; Điều 56, 81, 82, 83, 84, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mỹ N. Chị N được ly hôn với anh M. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 10/10/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh M. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Mỹ N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M là phù hợp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh

M, do đó xác định chị N là nguyên đơn, anh M là bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: chị N cho rằng cuộc sống chung của anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân 4 năm nay. Trong thời gian không sống chung, anh chị không liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M. Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, cho thấy anh M thờ ơ, không muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 10/10/2016. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q. Xét thấy, cháu Q còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nên giao cháu Q cho chị N nuôi dưỡng dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con do vậy không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N trình bày anh chị không có nợ chung. Anh M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy, không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mỹ N.

1. Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 01 Quyển số 01/2003 ngày 14/01/2003 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 10/10/2016 cho chị Huỳnh Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị Mỹ N không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn M được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Huỳnh Thị Mỹ N.

Khi cần thiết, chị Huỳnh Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn M được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Huỳnh Thị Mỹ N đã nộp theo biên lai thu số 0006129 ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ vào án phí. Chị Huỳnh Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quỳnh Hương**